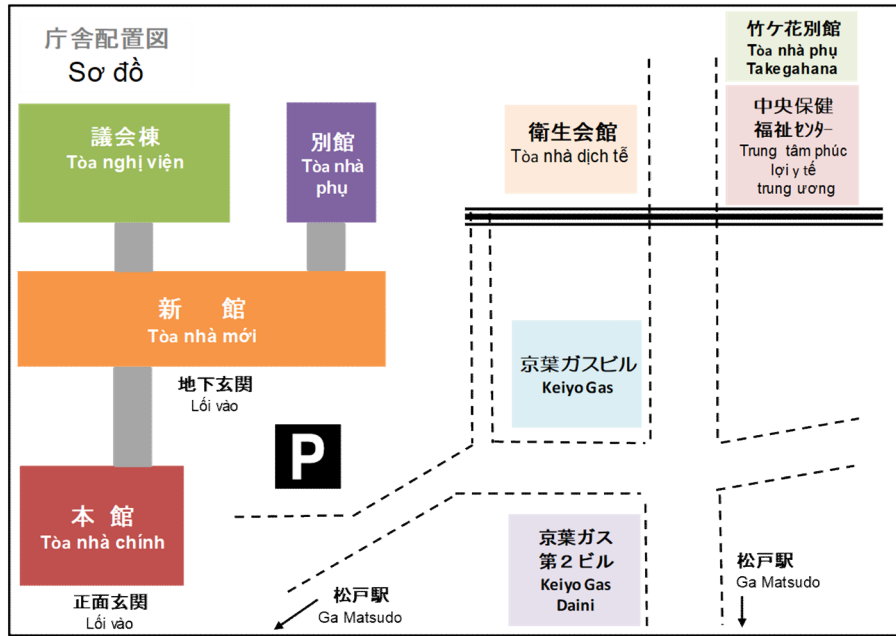




Sơ đồ tòa thị chính thành phố Matsudo

まつどしやくしよあんない（ばっすい）



Tòa nhà chính 本館	
3	Ban thị dân tự trị / 市民自治課 Ban hỗ trợ đời sống - Văn phòng vệ tinh / 生活支援課別室 Ban chính sách phúc lợi / 福祉政策課 Phòng phụ trách phúc lợi khu vực / 地域福祉担当室
2	Ban hành động nhanh / すぐやる課 Ban quản lý nợ / 債権管理課 Phòng y tế / 医務室 Góc tư vấn Ban truyền thông / 広報広聴課相談コーナー Ban kiểm toán xã hội / 指導監査課
1	Quầy hướng dẫn / 総合案内 Phòng cho con bú / 授乳室 Phòng tư vấn sức khỏe cư dân / 市民健康相談室 Ban bảo hiểm y tế và lương hưu · Văn phòng thu phí bảo hiểm / 国保年金課・収納担当室 Văn phòng xúc tiến chăm sóc cộng đồng thống nhất / 地域包括ケア推進課 Ban bảo hiểm chăm sóc người cao tuổi / 介護保険課 Ban bảo hiểm y tế và lương hưu (Nhóm y tế cho người trên 75 tuổi) / 国保年金課(後期高齢者医療班)   
B1	Cửa hàng tiện lợi / 売店 Máy photo tính phí / 有料コピー

〒271-8588 Matsudo-shi Nemoto 387-5
TEL: 047-366-1111
Giờ làm việc: T2 – T6 8:30-17:00
Ngày nghỉ: T7, CN, quốc lễ & kỳ nghỉ lễ năm mới

Tòa nhà mới 新館	
9	Ban an toàn thị dân / 市民安全課 Ban hợp đồng / 契約課 Phòng phụ trách sự kiện Midori-no-Aigo (Ban công viên) / みどりの愛護のつどい担当室(公園緑地課) Ban quản lý địa điểm cho thanh thiếu niên / 子ども居場所課 Ban hỗ trợ tương lai trẻ em / 子ども未来応援課 Văn phòng trợ cấp nhi đồng / 児童給付担当室 Ban quản lý kỹ thuật / 技術管理課 Phòng phụ trách hỗ trợ phát triển trẻ em / 発達支援担当室
8	Ban chính sách nhà ở / 住宅政策課 Văn phòng đất ở / 宅地担当室 Văn phòng giải pháp nhà ở / 空き家活用推進室 Ban chỉ đạo xây dựng / 建築指導課 Ban kế hoạch đô thị / 都市計画課 Ban xây dựng trụ sở Tòa thị chính mới / 新庁舎整備課 Ban bảo trì và tân trang khu vực ga Matsudo / 松戸駅周辺整備振興課 Phòng phụ trách phát triển khu vực mới / 新拠点ゾーン整備担当室 Ban tái thiết khu vực ga Tokiwadaira / 常盤平駅周辺まちづくり推進課
7	Ban chính sách trẻ em / 子ども政策課 Ban chăm sóc trẻ em · Ban giáo dục trẻ em / 保育課 · 幼児教育課 Văn phòng quản lý nhập trường mẫu giáo / 入所入園・保育運営担当室 Ban thanh tra / 監査委員事務局
6	Ban tài chính / 財政課 Ban quản lý tài sản / 財産活用課 Ban chính sách môi trường / 環境政策課 Văn phòng xúc tiến thành phố Zero Carbon / ゼロカーボンシティ推進担当室 Ban bảo vệ môi trường / 環境保全課 Ban quản lý môi trường / 環境業務課 Ban xử lý chất thải / 廃棄物対策課 Ban quản lý cơ sở xử lý chất thải / 清掃施設整備課
5	Hội trường thị dân / 市民サロン Ban thư ký / 秘書課 Ban xúc tiến chính sách / 政策推進課 Ban truyền thông / 広報広聴課 Phòng phụ trách thúc đẩy SDGs / SDGs推進担当室
4	Ban hành chính / 総務課 Ban chiến lược số / デジタル戦略課 Ban nhân sự · Văn phòng Challenged Office Matsudo / 人事課 · チャレンジオフィスまつど Ban quản lý hành chính / 行政経営課
3	Ban hỗ trợ đời sống / 生活支援課 Ban phúc lợi người khuyết tật / 障害福祉課 Ban bảo hiểm y tế và lương hưu (Nhóm lương hưu) / 国保年金課(国民年金班) 
2	Ban thu thuế / 収納課 Ban chế độ thuế / 税制課 Ban thuế thị dân / 市民税課 Phòng phụ trách phân tích thuế thành phố / 市税分析担当室 Ban thuế tài sản cố định / 固定資産税課
1	Ban thị dân / 市民課 Ban kế toán / 会計課  Ngân hàng · ATM / 銀行・ATM
B1	Phòng bảo vệ / 守衛室

Tòa nhà dịch tễ 衛生会館	
1	Ban chính sách y tế và sức khỏe - Văn phòng vệ tinh / 健康医療政策課分室

Trung tâm phúc lợi y tế trung ương 中央保健福祉センター	
3	Ban chăm sóc sức khỏe / 健康推進課 Phòng phụ trách khám sức khỏe / 健診担当室 Trung tâm trẻ em và gia đình / こども家庭センター Ban dịch tễ dự phòng / 予防衛生課 Văn phòng tư vấn về bắt nạt / いじめ相談担当室(子供SOS相談)
2	
1	Phòng phụ trách sức khỏe bà mẹ và trẻ em / 母子保健担当室

Tòa nhà phụ Takegahana 竹ヶ花別館	
5~6	Ban bảo trì kiến trúc / 建築保全課
4	Ban cây và hoa / みどりと花の課 Ban công viên / 公園緑地課
3	Ban xây dựng thành phố / 街づくり課 Ban điều chỉnh đất đai / 区画整理課
2	Ban chính sách giao thông / 交通政策課

Tòa nhà Keiyo Gas 京葉ガスビル	
6	Ban chỉ đạo học tập / 学習指導課 Ban học sinh và nhi đồng / 児童生徒課 Ban chấn hưng thể thao / スポーツ振興課 Phòng phụ trách các cơ sở thể thao / スポーツ施設担当室 Phòng phụ trách giáo dục và hỗ trợ đặc biệt / 特別支援教育担当室
5	Ban tổng vụ giáo dục / 教育総務課 Ban nghiên cứu chính sách giáo dục / 教育政策研究課 Phân phòng tài sản văn hóa bị chôn vùi / 埋蔵文化財分室
4	Phòng phụ trách y tế và an toàn trường học / 学校保健安全担当室 Ban học vụ / 学務課 Ban cơ sở vật chất trường học / 学校施設課 Ban tài vụ trường học / 学校財務課

Tòa nhà Keiyo Gas Daini 京葉ガス第2ビル	
6	Ban chính sách y tế và sức khỏe / 健康医療政策課 Ban văn hóa và thể thao / 文化 スポーツ政策課 Ban sáng tạo và chấn hưng văn hóa (Văn phòng xúc tiến du lịch) / 文化にぎわい創造課(観光推進室)
5	Ban tiêu dùng / 消費生活課 Trung tâm tiêu dùng / 消費生活センター Ban xúc tiến quốc tế / 国際推進課
4	Ban nông nghiệp / 農政課 Ủy ban nông nghiệp / 農業委員会 Ban xúc tiến công thương / 商工振興課 Văn phòng phụ trách phát triển khu vực tập trung doanh nghiệp / 企業立地担当室

Tòa nhà phụ 別館	
4	Ban đường thủy / 河川清流課 Văn phòng tái cấu trúc cơ sở vật chất công cộng / 公共施設再編課 Ban chung sống khu vực / 地域共生課
3	Ban hệ thống nước thải / 下水道整備課 Ban quản lý hệ thống nước thải / 下水道経営課 Ban bảo trì hệ thống nước thải / 下水道維持課
2	Ban hành chính xây dựng / 建設総務課 Ban bảo trì đường / 道路維持課  Ban xây dựng đường / 道路建設課 Ban đất đai / 用地課
1	Ban quản lý văn thư / 文書管理課 Trung tâm dữ liệu hành chính / 行政資料センター
B1	Ban quản lý rủi ro / 危機管理課

Hướng dẫn dịch vụ hành chính -(trích lược)- しゃくしょ ぎょうむ あんない(ばっすい)

Tòa nhà chính 本館

Tầng	Nghịệp vụ 業務	Bộ phận phụ trách 課名	SDT
3	■Danh sách những người cần hỗ trợ sơ tán ひなんこうどうようしえんしゅめいぼ 避難行動要支援者名簿	Ban chính sách phúc lợi ふくしせいさくか 福祉政策課	047-701-5272
	■Quy hỗ trợ thiên tai / Hội Chữ thập Đỏ Nhật Bản / Tổ chức quyền góp từ thiện さいがいあひまいきん にほんせきじゆしじゅ ぎょうどきぎん 災害見舞金 / 日本赤十字社・共同募金	Văn phòng phụ trách phúc lợi khu vực ちいきふくししたんどうしつ 地域福祉担当室	047-366-3019
	■Sinh hoạt tổ dân phố / Đèn chống tội phạm / Nhà sinh hoạt cộng đồng・Nhà giao lưu / Hỗ trợ các hoạt động của cư dân さようかい じちかい ぼうはんどう しみん こうりゅうかいかん しみんかつどうしえん 町会・自治会 / 防犯灯 / 市民センター・交流会館 / 市民活動支援	Ban thị dân tự trị しみんじちか 市民自治課	047-366-7318
2	■Giải quyết những tình huống khẩn cấp しせい かん きんきゅうたいおう 市政に関する緊急対応	Ban hành động nhanh すぐやる課	047-366-7302
	■Dịch vụ tư vấn cho cư dân người nước ngoài Sử dụng dịch vụ phiên dịch bằng thiết bị di động: 8：30—17：00 Hỗ trợ 13 ngôn ngữ がいこくじんそうだん 外国人相談 つうやくき りやう そうだん 【タブレット通訳機を利用した相談】 8:30—17:00 ※13言語対応	Góc tư vấn Ban truyền thông そうだんコーナー 相談コーナー	047-366-9151
	■Tư vấn về nộp thuế thị dân しせい のうぜそうだん 市税の納税相談	Ban quản lý nợ さいけんかんりか 債権管理課	047-704-4004
1	■Cấp sổ tay mẹ và bé ぼしけんこうてちょう しょうふ 母子健康手帳の交付	Phòng tư vấn sức khỏe cư dân しみんけんこうそうだんしつ 市民健康相談室	047-366-1111 (Ext)7750
	■Các thắc mắc liên quan đến bảo hiểm y tế quốc dân こくみんけんこうほけん かん 国民健康保険に関すること	Ban bảo hiểm y tế và lương hưu こくほねんきょ 国保年金課	047-712-0141
	■Dịch vụ y tế cho người trên 75 tuổi こうきこうれいしゃいりやうせいど 後期高齢者医療制度	Ban bảo hiểm y tế và lương hưu (Nhóm y tế cho người trên 75 tuổi) こくほねんきょ こうきこうれいしゃいりやうせいど 国保年金課(後期高齢者医療班)	047-712-0141
	■Đăng ký bảo hiểm chăm sóc người cao tuổi かいごほけん しんぞい 介護保険の申請	Ban bảo hiểm chăm sóc người cao tuổi かいごほけん か 介護保険課	047-366-7370
	■Sổ tay trường thọ / Câu lạc bộ người cao tuổi (Câu lạc bộ phụ lão) ながいき手帳 / シニアクラブ (老人クラブ)	Ban hỗ trợ người cao tuổi こうれいしゃしえんか 高齢者支援課	047-366-7346
	■Tư vấn cho người cao tuổi こうれいしゃ そうごそうだん 高齢者の総合相談	Văn phòng xúc tiến chăm sóc cộng đồng thống nhất ちいきほうかつ すいしんか 地域包括ケア推進課	047-366-7343

Tòa nhà phụ 別館

3	■Phí nước thải げすいどうしやうりょう 下水道使用料	Ban quản lý hệ thống nước thải げすいどうけいえいしか 下水道経営課	047-366-7394
2	■Đèn đường (bao gồm cả đèn chống tội phạm) / Lắp và bảo trì gương lồi どうろしょうめいとう ぼうはんとうがいがい 道路照明灯 (防犯灯以外) / カブミ-設置・修繕	Ban bảo trì đường どうろ維持課	047-366-7358
	■Thắc mắc liên quan đến làm đường どうろこうじ かん とあ 道路工事に関する問い合わせ		
1	●Thông tin liên quan đến thảm họa và địa điểm lánh nạn ひなんばしょ さいがい かん じょうほう 避難場所 / 災害に関する情報	Ban quản lý rủi ro きまかんりか 危機管理課	047-366-7309

Tòa nhà phụ Takegahana 竹ヶ花別館（竹ヶ花136-2）

4	■Thắc mắc liên quan đến công viên こうえん かん 公園に関すること	Ban công viên こうえんよくちか 公園緑地課	047-366-7380
2	■Thắc mắc liên quan đến chỗ để xe đạp, xe đạp để không đúng nơi quy định ちやうりんじやう ほうち じてんしゃ 駐輪場・放置自転車	Ban chính sách giao thông	047-366-7439
	■Thắc mắc liên quan đến giao thông công cộng こうきょうつう かん 公共交通に関すること	こうつうせいさくか 交通政策課	

Tòa nhà mới 新館

Tầng	Nghịệp vụ 業務	Bộ phận phụ trách 課名	SDT
9	■「OYAKO DE HIROBA」(khu vui chơi trong nhà) Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy con ・Tư vấn cha mẹ đơn thân (cuộc sống, việc làm) ・おやこDE広場・子育て支援センター おや そうだん せいかつしやうじやう ・ひとり親の相談(生活・就労)	Ban hỗ trợ tương lai trẻ em こども未来応援課	047-366-7347
	■Trông trẻ sau giờ tan học (dành cho học sinh tiểu học) ・放課後児童クラブ ほうかごこじやう ・しみに居場所課	Ban quản lý địa điểm cho thanh thiếu niên こども居場所課	047-366-7464
	■Trợ cấp nhi đồng・Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng じどうてあて じどうふようてあて 児童手当・児童扶養手当	Văn phòng trợ cấp nhi đồng	047-366-3127
8	■Hỗ trợ chi phí y tế cho gia đình cha mẹ đơn thân こども・ひとり親家庭への医療費助成 おやかてい いりやうひにんせい 子ども・ひとり親家庭への医療費助成	じどうきやうふたんとしつ 児童給付担当室	
	■Tư vấn xây dựng けんちくそうだん 建築相談	Ban chỉ đạo xây dựng けんちくどうか 建築指導課	047-366-6800
7	■Tư vấn, đăng ký phát triển đất ở たくちかいほつじぎやうどう じぜんきやうぎ きょかしんせい 宅地開発事業等の事前協議・許可申請	Văn phòng đất ở たくちだんしやうしつ 宅地担当室	047-366-7366
	■Đăng ký nhà trẻ và trường mẫu giáo ほいくしや えん しんせい 保育所(園)の申請	Văn phòng quản lý nhập trường mẫu giáo にゅうにゅうえん たんとしつ 入所入園 担当室	047-366-7351
6	■Trợ cấp trường mẫu giáo tư nhân しりつやうちえんほじょきん 私立幼稚園補助金	Ban giáo dục trẻ em ようじきやういしか 幼児教育課	047-701-5126
	■Cách vứt rác / Xử lý xác động vật nhỏ だ かつ かがたどうぶつ したいしり ごみの出し方 / 小型動物の死体処理	Ban quản lý chất thải はいきぶつづたいさくか 廃棄物対策課	0120-264-057
5	■Đăng ký chó nuôi いぬ とうろく 犬の登録	Ban bảo vệ môi trường かんきやうほぜんか 環境保全課	047-366-7336
	■ Tư vấn các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường /Kiểm soát phóng xạ こうがくじやうそうだん ほうやのうたいさく かん 公害苦情相談 / 放射能対策に関すること	Ban quản lý tài sản ざいさんかつようか 財産活用課	047-366-7337
	■Đồ thất lạc trong phạm vi Tòa thị chính おと もの ちやうしやうない 落し物 (庁管内)	Ban quản lý tài sản ざいさんかつようか 財産活用課	047-366-7316
	■Thắc mắc liên quan đến website của thành phố ホームページに関すること "KOHO MATSUDO" (Bảo phát hành bởi thành phố)	Ban truyền thông こうほうこうちやうか 広報広聴課	047-366-7320
3	■Tư vấn liên quan đến trợ cấp sinh hoạt せいかつほご かん 生活保護に関する相談	Ban trợ cấp sinh hoạt せいかちえんか 生活支援課	047-366-7349
	■Tư vấn liên quan đến người khuyết tật しょうがいしゃ かん 障害者に 関する相談	Ban phúc lợi người khuyết tật しょうがいふくしか 障害福祉課	047-366-7348
	■Thắc mắc liên quan đến lương hưu こくみんねんきん かん 国民年金 に関すること	Ban bảo hiểm y tế và lương hưu (Nhóm lương hưu) こくみんねんきん ぐくみねんきん 国民年金課(国民年金班)	047-366-7352
2	■Thắc mắc liên quan đến thuế tài sản cố định こていしきんぜい かん 固定資産税に関すること	Ban thuế tài sản cố định こていしきんぜい課 固定資産税課	047-366-7323
	■Nộp thuế thị dân/Chứng nhận nộp thuế しぜい のうふ のうぎひやうめい 市税の納付 / 納税証明	Ban thu thuế しやうのうか 収納課	047-366-7325
	■Khai thuế cư dân / Chứng nhận thuế cư dân しけんみんぜい しんこく じやうみんぜいしやうめい 市県民税の申告 / 住民税証明	Ban thuế thị dân しけんぜいか 市民税課	047-366-7322
1	■Thuế cho xe ô tô hạng nhẹ / Cấp biển số cho xe máy けいじどうしやぜい げんつき 軽自動車税 / 原付などのナンバー 交付	Ban chế độ thuế ぜいせいしか 税制課	047-366-7321
	●Đăng ký con dấu / Hộ khẩu いんかんとうろく こせき 印鑑登録 / 戸籍	Ban thị dân し みん か 市民課	047-366-7340

Tòa nhà Keiyo Gas (Ủy ban giáo dục)

けいよう ぎやうい かい
京葉ガスビル (教育委員会)

Tầng	Nghịệp vụ 業務	Bộ phận phụ trách 課名	SDT
4	■Đăng ký nhập học trường tiểu học, trường THCS, trường THPT do thành phố thành lập にゅうがく しやうがっこう ちやうがっこう しりつこうこう 入学 (小学校・中学校・市立高校)	Ban học vụ がくむか 学務課	047-366-7457
	■Thủ tục chuyển trường てんこう 転校		

Tòa nhà Keiyo Gas Daini

けいよう だいい
京葉ガス第2ビル

6	■Hỗ trợ phí chậm cứu, mất xa.../Hội gia đình tang quyền/Quy hỗ trợ người nhiễm phóng xạ はり・きゅう・あん摩等施術費助成・遺族会・被爆者見舞金 けんこうりやうせいさくか 健康医療政策課	Ban chính sách y tế và sức khỏe けんこうりやうせいさくか 健康医療政策課	047-704-0055
	■Tư vấn liên quan đến du lịch, sáng tạo, chấn hưng thành phố まちのにぎわい創出・観光に関すること	Ban sáng tạo và chấn hưng văn hóa (Văn phòng xúc tiến du lịch) ぶんか ousinga 文化にぎわい創造課 かんこういしんしつ (観光推進室)	047-366-7327
5	■Tư vấn ản liên quan đến n tiêu dùng 消費生活相談	Trung tâm tiêu dùng 消費生活センター	047-365-6565
	■Cung cấp thông tin cho cư dân người nước ngoài/Chung sống đa văn hóa/Giao lưu giữa các thành phố がいこくじんしみん じやうほくしきやう ちがふんか きやうせい とし かんこうりやう 外国人市民への情報提供 / 多文化共生 / 都市間交流	Ban xúc tiến quốc tế こくがいすいしんしや 国際推進課	047-710-2725
4	■Tư vấn việc làm và rèn luyện tay nghề・Tư vấn kinh doanh しやうぎやうそうだん しょくぎやうくんれん けいぎやうだん 就業相談・職業訓練・経営相談	Ban xúc tiến công thương しやうこうしんこうか 商工振興課	047-711-6377

Trung tâm phúc lợi y tế trung ương

ちやうおうほけんふくし

中央保健福祉センター

3	■Tư vấn phúc lợi cho gia đình và trẻ em / Tư vấn cho phụ nữ / Tư vấn về "Young carer" (người chăm sóc trẻ tuổi) かていじやう そうだん じやうしやうだん 家庭児童相談 / 女性相談 / ヤングケアラー相談	Trung tâm trẻ em và gia đình かてい こども家庭センター	047-366-3941
	■Tư vấn về bắt nạt いじめ相談 いじめ相談	Văn phòng tư vấn về bắt nạt いじめ相談担当室	047-369-7658
	■ Tư vấn sức khỏe người trưởng thành せいじん けんこうそうだん 成人の健康相談	Ban chăm sóc sức khỏe けんこうすいしんか 健康推進課	047-366-7481
	■Khám sức khỏe / Tâm soát ung thư 健康診査・がん検診	Phòng phụ trách khám sức khỏe けんしんけんとうしつ 健診担当室	047-366-7487
1	■Tiêm phòng / Công viên vịnh hằng Shiroi よぼうせいぶつ しらいせいちこうえん 予防接種 / 白井聖地公園	Ban dịch tễ dự phòng よぼういせいせいか 予防衛生課	047-366-7483
	■Hỗ trợ phí điều trị vô sinh / Khám sức khỏe cho thai phụ, sản phụ, trẻ nữ nhi / Taxi cho thai phụ, sản phụ ふにんちりやうひじよせい にんきんぶにやうじけんしん じんきんぶ 不妊治療費助成 / 妊産婦・乳児健診 / 妊産婦タクシー	Phòng phụ trách sức khỏe bà mẹ và trẻ em ほしけんたんとしうしつ 母子保健担当室	047-366-5180
	■Tư vấn sức khỏe cho trẻ nữ nhi và trẻ em / Tư vấn nuôi にゅうおやけけん ふし 乳幼児の健康相談 / 育児相談	Trung tâm phúc lợi y tế trung ương ちやうおうほけん ふし 中央保健福祉センター	047-366-7489

Tòa nhà dịch tễ 松戸市衛生会館

1	■Hướng dẫn qua điện thoại, giới thiệu bệnh viện làm việc vào buổi đêm và ngày nghỉ lễ. やかん きやうじつきやうびやうきやううてんわあんにない 夜間、休日急病救急電話案内	Ban chính sách y tế và sức khỏe - Văn phòng vệ tinh けんこうりやうせいさくかぶんしつ 健康医療政策課分室	047-366-7771
---	--	--	--------------

■ Cảnh sát （Tội phạm / Tai nạn giao thông） **110**

■ Hòa hoãn （Hòa hoãn / Cấp cứu） **119**

■ Hướng dẫn qua điện thoại giới thiệu bệnh viện làm việc vào buổi đêm và ngày nghỉ lễ.
047-366-0010 (Tiếng Nhật)
Ngày thường: 16:30-9:00 ngày hôm sau
Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ: 24/24

■ Dịch vụ phiên dịch hành chính 047-710-2725, hoặc email mckokusai@city.matsudo.chiba.jp
[Tiếng Anh] Thứ Hai, Thứ Tư, Thứ Sáu 9:15-16:00
[Tiếng Trung] Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Năm 9:15-16:00